TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ–ST.
Ngày: 15/5/2025.
V/v:"Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy T.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn B.
2. Ông Phạm Đức N.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết X – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 792/2024/TLST–HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2025/QĐST–HNGĐ ngày 29/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 2002 (ĐT: 0343. 507 746).

Địa chỉ thường trú: Thôn Lệ Kim, xã La Dơk, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Anh Lê Thành T, sinh năm 1996 (ĐT: 0797. 405 917).

Địa chỉ thường trú: Tổ 19, ấp 1, xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nơi đang sinh sống: Tổ 18, ấp 1, xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Thành T chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào năm 2020.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc. Chị và anh T đã ly thân được 03 năm. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung, có 01 cháu Lê Trần Quỳnh Anh, sinh ngày 29/6/2021. Nếu ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu Lê Trần Quỳnh Anh, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Đối với bị đơn anh Lê Thành T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai tại Tòa án.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:**

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện đầy đủ, khách quan, thời hạn tố tụng được bảo đảm, các quyết định được tống đạt hợp lệ.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

– Về nội dung vụ án:

+ Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Xử cho chị H được ly hôn anh T.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Lê Trần Quỳnh Anh, sinh ngày 29/6/2021 cho chị H nuôi dưỡng. Chị H nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xét. Đối với việc nuôi con, anh T không có lời khai về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

– Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H, chị H yêu cầu ly hôn anh Lê Thành T. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

– Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn anh Lê Thành T có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp 5, xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị H.

Bị đơn anh Lê Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

Chị H và anh T đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc. Chị H và anh T đã ly thân được 03 năm. Do anh T không đến phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị H, xác minh của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

– Về con chung, có 01 cháu Lê Trần Quỳnh Anh, sinh ngày 29/6/2021 Chị H yêu cầu nuôi dưỡng cháu Quỳnh Anh, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến Tòa án làm việc, nhưng anh T không đến nên không có lời khai về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu của chị H, xác minh tại địa phương, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy cần giao cháu Quỳnh Anh cho chị H nuôi dưỡng, phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không xét.

– Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị H chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016454 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị H đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39; 266, 271, 273; Khoản 1 Điều 228; Khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 10, 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 51, 56 và Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh Lê Thành T.

– Về con chung: Giao cháu Lê Trần Quỳnh Anh, sinh ngày 29/6/2021 cho chị H nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

– Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị H chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016454 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã Tân Hiệp, H.Long Thành, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thùy Trang